

Bản án số: 77/2020/HS-ST

Ngày: 09- 6 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liễu.

Bà Trần Thị Mai Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1994, tại: Kon Tum; nơi cư trú: thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T và bà Nghiêm Thị T; chưa có vợ; tiền sự: không; tiền án: không; tạm giữ, tạm giam ngày: 13/01/2020; (Có mặt).

Bị hại: Bà Đặng Thị Kim H; sinh năm: 1996; HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: 12 Đường M, Phường B, quận G, TP. HCM; (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Hồng L; sinh năm: 1978; trú tại: 298 đường L, Phường M, quận B, TP. HCM; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 00 ngày 13/01/2020, với ý định đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, Lê Văn T đi bộ đến trước nhà trọ tại địa chỉ số 12, Đường M, Phường

B, quận G thì nhìn thấy chiếc xe máy Yamaha Sirius biển số: 54S2 – 2746 của chị Đặng Thị Kim H dựng phía trước nhưng không có người trông coi, T lại gần thấy xe không khóa cổ nên lên đẩy bộ chiếc xe trên đi về hướng đường L, khi T đẩy xe trên đến trước nhà 109 đường L, Phường B, quận G thì bị lực lượng Công an Phường B đi tuần phát hiện yêu cầu về trụ sở Công an làm việc. Tại đây T đã thừa nhận hành vi phạm tội và xác định địa điểm gây án tại nhà trọ địa chỉ số 12 Đường M, Phường B, quận G.

Tại Cơ quan điều tra Công an quận G, Lê Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số: 54S2 - 2746. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 16/KL ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng UBND quận G kết luận: giá trị xe máy Sirius biển số: 54S2 – 2746, số khung 051485, số máy 051485 do Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam sản xuất, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 13/01/20120 là 6.000.000 đồng. Qua xác minh chiếc xe trên do chị Nguyễn Hồng L đứng tên chủ sở hữu. Chị L là chị họ của chị H, chị Loan cho chị H mượn chiếc xe trên làm phương tiện đi lại thì bị mất trộm, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị L.

- 01 điện thoại di động Mobell, là của cá nhân bị can Lê Văn T.

Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng 01 điện thoại di động hiệu Mobell theo phiếu nhập kho số 82/PNK ngày 08/4/2020.

Tại bản cáo trạng số 85/CTr-VKS, ngày 29/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận G đã truy tố Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 6 (sáu) tháng đến 9 (chín) tháng tù.

- Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017; khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động hiệu Mobell.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G công bố bản cáo trạng thì Lê Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Đối chiếu lời khai bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận G, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận G và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Lê Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt tương tự được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

[3] Lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản rất táo bạo và liều lĩnh, hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn tiêu xài phục vụ cho những nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập cải tạo lại mình sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay bị hại bà Đặng Thị Kim H vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện bà đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt, hiện không thắc mắc hay khiếu nại gì nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số: 54S2 - 2746. Qua xác minh chiếc xe trên do bà Nguyễn Hồng L đứng tên chủ sở hữu. Bà L là chị họ của bà H, bà L cho bà H mượn chiếc xe trên làm phương tiện đi lại thì bị mất trộm, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà L. Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại tài sản đó là đúng quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tại phiên tòa hôm nay không đưa ra xem xét lại.

- Đối với 01 điện thoại di động Mobell, là tư vật của bị cáo không liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp Tài sản”;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/01/2020.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động hiệu Mobell số imei: 810191600437062; 810192600437060.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 82/PNK, ngày 08/4/2020 của Công an quận G).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. G;
- Thi hành án Q. G;
- Công an Q. G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Châu Ly